

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C K
TỈNH T V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/DS-ST

Ngày: 15-10-2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C K, TỈNH T V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Điều Hoàng Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Quơne

Ông Trần Quốc Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hòa Xuân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C K, tỉnh T V.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C K, tỉnh T V tham gia phiên tòa: Ông Thạch Sấm Át – Kiểm sát viên

Trong ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 493/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà N N N, sinh năm 1984 (có mặt)

Cư trú: ấp 1, xã P T, huyện C K, tỉnh T V.

- Bị đơn: Ông Đ Q, sinh năm 1983 (có mặt)

Cư trú: ấp 1, xã P T, huyện C K, tỉnh T V.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông N Đ (còn gọi là Chí), sinh năm 1970. (có mặt)

Cư trú: ấp 1, xã P T, huyện C K, tỉnh T V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/4/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N N N trình bày: Bà Nhi có cho ông Đ Q vay tiền hai lần cụ thể như sau:

Lần 1 ngày 01/11/2017 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi xuất thỏa thuận 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Ông Quyết hẹn 3 ngày sẽ trả lại.

Lần 2 ngày 02/11/2017 vay số tiền 30.000.000 đồng, lãi xuất thỏa thuận 6.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau đó, ông Quyết có viết tờ cam kết thừa nhận có vay tiền và cam kết trả nợ vốn gốc và lãi.

Đến ngày 29/3/2018 ông Quyết có trả được 20.000.000 đồng tiền lãi từ đó đến nay không trả vốn gốc và lãi nào nữa. Nay bà N N N yêu cầu ông Đ Q trả cho bà số tiền là 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày 29/03/2018 cho đến khi giải quyết xong vụ án. Đối với biên nhận do ông Quyết đưa ra có ký tên Tí thì bà không thừa nhận vì bà không biết người nào tên Tí. Đối với biên nhận 20.000.000 đồng thừa nhận đã nhận đủ từ Chí Đại chuyển lại.

Theo lời khai ngày 10/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đ Q trình bày:

Ông Đ Q thừa nhận có vay 02 lần của bà N N N số tiền 60.000.000 đồng. Khi vay không có làm biên nhận, lãi suất giống như bà Nhi trình bày. Sau khi vay ông Quyết đã đóng lãi được 3 tháng, mỗi tháng 10.800.000 đồng, nhưng khi trả lãi không có làm biên nhận cũng không ai biết. Vào ngày 24/4/2018 ông đã trả cho bà Nhi 20.000.000 đồng, lần trả này là đưa cho người tên Tí nhận có ông N Đ là anh ruột của bà Nhi chứng kiến và ông Đại có ký tên biên nhận. Đến ngày 28/5/2018 trả được 40.000.000 đồng cho ông Tí là người đòi nợ thuê cho bà Nhi nhận, ông Tí có ký tên biên nhận tiền ông Quyết trả cho bà Nhi. Như vậy, ông đã trả đủ cho bà Nhi không còn nợ nên bà N N N khởi kiện yêu cầu ông trả số tiền 60.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi thì ông không đồng ý vì ông đã trả đủ tiền cho bà Nhi không còn nợ gì bà Nhi nữa. Đối với anh Tí là người đòi nợ thuê cho bà Nhi thì ông không biết họ tên địa chỉ cụ thể nên không cung cấp được cho Tòa án, ngoài ra ông không trình bày gì thêm.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông N Đ trình bày:

Ông là anh ruột của bà N N N, ông không nhớ vào ngày tháng năm bà Nhi có nhờ ông gặp Đ Q để nhận tiền dùm cho Nhi, ông nhận từ ông Quyết số tiền 20.000.000 đồng. Ngoài ra ông không biết là tiền gì vì ông không có hỏi. Sau đó ông đã chuyển lại cho Nhi xong không có liên quan gì nữa. Ông không biết ai tên Tí, ở địa phương cũng không có ai tên Tí cả.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử đúng theo quy định của pháp luật. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử: Yêu cầu khởi kiện của bà Nhi là có căn cứ bởi theo lời khai của ông Quyết thừa nhận có vay của bà Nhi 60.000.000 đồng, đã trả được 20.000.000 đồng. Nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nhi buộc ông Quyết có trách nhiệm trả cho bà Nhi 40.000.000 đồng tiền vốn và lãi theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà N N N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C K, tỉnh T V giải quyết việc bà có cho ông Đ Q ngụ ấp 1, xã P T, huyện C K vay 60.000.000 đồng. Quá trình thực hiện giao dịch, ông Quyết không thực hiện đúng theo thỏa thuận trả nợ nên nguyên đơn có đơn khởi kiện. Do đó, quan hệ tranh chấp được xác định là “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*” và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C K, tỉnh T V theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35, Điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] Xét giao dịch dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đ Q thừa nhận có vay số tiền 60.000.000 đồng theo như yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà N N N. Tuy nhiên, ông Quyết cho rằng đã trả lãi cho bà Nhi được 3 tháng mỗi tháng 10.800.000 đồng và trả vốn hai lần cho bà Nhi lần đầu do Đại nhận 20.000.000 đồng, lần hai Tí nhận 40.000.000 đồng. Cũng tại phiên tòa hôm nay bà Nhi cho rằng ông Quyết chỉ trả được 20.000.000 đồng tiền lãi do ông Đại nhận dùm ngoài ra ông Quyết không trả tiền nào khác. Vấn đề này thấy rằng: Bà N N N có cho ông Đ Q vay 60.000.000 đồng là có thật, điều này được chứng minh bởi lời thừa nhận nợ của ông Quyết, phù hợp với tờ cam kết nhận và trả nợ của ông Đ Q (BL 04). Đối với lời trình bày đã trả hết nợ 60.000.000 đồng của ông Đ Q cho bà N N N và ông Quyết đưa ra 02 biên nhận đã trả nợ. Trong đó, 01 biên nhận trả 20.000.000 đồng và 01 biên nhận trả 40.000.000 đồng. Về biên nhận số tiền 20.000.000 đồng phía bà Nhi thừa nhận đã nhận đủ số tiền này, riêng số tiền 40.000.000 đồng bà không thừa nhận. Do đó, lời khai của ông Quyết về việc đã trả cho bà Nhi số tiền 40.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, trong biên nhận ngày 28/5/2018 mà ông Quyết xuất trình do người tên Tí ký thì ông Quyết không cung cấp được họ tên cũng như địa chỉ của người tên Tí để đối chất làm việc với người này, trong khi đó bà Nhi, ông Chí Đại cũng không biết người tên Tí là ai, theo biên bản xác minh công an ấp 1, xã P T, huyện C K thì địa phương không có ai tên Tí và cũng không thấy ai đến nhà đòi nợ ông Quyết, từ phân tích trên biên nhận ngày 28/5/2018 ông Quyết đưa ra là không có cơ sở để chứng minh đã trả được 40.000.000 đồng cho bà Nhi. Đối với lời khai của bà N N N về việc đã nhận 20.000.000 đồng là tiền lãi do ông Quyết trả là không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, căn cứ vào biên nhận ngày 24/4/2018, trong biên nhận này do ông Chí Đại ký tên xác nhận nội dung thể hiện trả tiền gốc và chốt nợ ông Quyết còn nợ bà Nhi số tiền 40.000.000 đồng, chứ không nói trả tiền lãi. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N N N về việc buộc ông Đ Q phải có trách nhiệm trả cho bà Nhi số tiền 40.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp quy định tại điều 466 Bộ luật dân sự 2015 quy định nghĩa vụ của bên vay tài sản là bên vay tài sản phải trả đủ tiền khi đến hạn và cũng phù hợp với các chứng cứ khách quan đã được thẩm tra tại phiên tòa.

[3] Xét yêu cầu tính lãi của nguyên đơn số tiền 60.000.000 đồng từ ngày 29/3/2018 cho đến khi xét xử sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy trong tờ “*Đơn phản tố*” do ông Đ Q gửi ngày 10/6/2019 nội dung thể hiện đã trả tiền cho bà N N N và đây chỉ là nội dung phản bác lại ý kiến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và

đây không phải là yêu cầu phản tố của ông Quyết. Theo biên nhận số tiền 20.000.000 đồng do anh Đại ký nhận ngày 24/4/2018 như phân tích ở phần [2] Hội đồng xét xử nhận định buộc ông Quyết trả cho bà Nhi 40.000.000 đồng. Đồng thời, tại Tòa ông Đ Q cho rằng đã đóng lãi cho bà Nhi 3 tháng bằng số tiền 32.400.000 đồng nhưng không có làm biên nhận, không ai biết, bà Nhi cũng không thừa nhận nên việc ông Quyết đã trả lãi cho bà Nhi là không có cơ sở. Đối với cách tính lãi xuất của nguyên đơn cho bị đơn vay là 6.000 đồng/ngày/1.000.000 đồng tương đương 180.000 đồng/tháng tương đương 18%/tháng là quá cao so với quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chỉ quy định lãi xuất không vượt quá 20%/năm tương đương 1,66%/tháng, không có cơ sở chứng minh bà Nhi đã nhận lãi trong việc cho vay, bà Nhi chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày nhận được 20.000.000 đồng từ ông Quyết. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ phải tính lãi lại theo quy định mới phù hợp và chấp nhận tính lãi số tiền 40.000.000 đồng cho bà Nhi từ ngày 25/4/2018 (không phải ngày 29/3/2018 như bà Nhi khai) lãi xuất theo quy định pháp luật tại thời điểm xét xử 10%/tháng tương đương 0,833%/tháng là có cơ sở phù hợp với biên nhận ngày 24/4/2018 và cũng phù hợp với quy định của pháp luật. Số tiền lãi được tính như sau: Từ ngày 25/4/2018 đến ngày 15/10/2019 (ngày xét xử sơ thẩm) là 17 tháng 20 ngày x 40.000.000 đồng x 0,833% = 5.886.500 đồng. Tổng cộng lãi bị đơn phải chịu trả cho nguyên đơn là 5.886.500 đồng.

[4] Về án phí: buộc ông Đ Q chịu nộp theo quy định.

[5] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[6] Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 463; 466; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N N N.

Buộc ông Đ Q có nghĩa vụ trả cho bà N N N số tiền vốn 40.000.000 đồng và 5.886.500 đồng lãi tính đến hết ngày 15/10/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Về án phí: buộc ông Đ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.294.000 đồng.

Bà N N N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nhi số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002887 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C K.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh T V;
- VKSND huyện C K;
- CCTHADS huyện C K;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Điêu Hoàng Tiếp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA
PHIÊN TÒA**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C K
TỈNH T V**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ phút, ngày 15 tháng 10 năm 2019

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C K, tỉnh T V.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Diêu Hoàng Tiếp

Các Hội thẩm nhân dân: ông Thạch Quơne và ông Đỗ Thành Tiết

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 493/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa:

- *Nguyên đơn*: Bà N N N, sinh năm 1984 (có mặt)

Cư trú: ấp 1, xã P T, huyện C K, tỉnh T V.

- *Bị đơn*: Ông Đ Q, sinh năm 1983 (có mặt)

Cư trú: ấp 1, xã P T, huyện C K, tỉnh T V.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*: Ông N Đ (còn gọi là Chí), sinh năm 1970.

Cư trú: ấp 1, xã P T, huyện C K, tỉnh T V.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Hội đồng xét xử thảo luận và quyết định các vấn đề sau:

- *Về điều luật áp dụng:*

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Hội đồng xét xử thảo luận Hội thẩm và Thẩm phán thống nhất 100%; Hội thẩm và Thẩm phán biểu quyết 3/3.

- *Về nội dung vụ án:*

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà N N N.

Buộc ông Đ Q có nghĩa vụ trả cho bà N N N số tiền vốn 40.000.000 đồng và 5.886.500 đồng lãi tính đến hết ngày 15/10/2019.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Hội đồng xét xử thảo luận Hội thẩm và Thẩm phán thống nhất 100%, Hội thẩm và Thẩm phán biểu quyết 3/3.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Buộc ông Đ Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 2.294.000 đồng.

Bà N N N không phải chịu án phí, hoàn trả cho bà Nhi số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002887 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C K.

Hội đồng xét xử thảo luận Hội thẩm và Thẩm phán thống nhất 100%; Hội thẩm và Thẩm phán biểu quyết 3/3.

- *Về các vấn đề khác:*

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Hội đồng xét xử thảo luận Hội thẩm và Thẩm phán thống nhất 100%; Hội thẩm và Thẩm phán biểu quyết 3/3.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 15 tháng 10 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA